

Số: 03 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trí Dũng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 28
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hưng Út	Chủ tịch	
Ông Lê Mạnh Thường	Phó Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017)
Bà Đoàn Thị Minh Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên
Ông Trần Nam Trung	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2016, Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến việc không thể thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng tồn lâu tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền là 5,9 tỷ đồng. Vấn đề này đã được Công ty khắc phục một phần, tại ngày 31/12/2017 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

- Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa chưa được phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.
- Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 29 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2018-002-1
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.185.018.865	399.170.271.182
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	112.392.465.396	126.958.167.721
111 1. Tiền		66.392.465.396	35.545.087.457
112 2. Các khoản tương đương tiền		46.000.000.000	91.413.080.264
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		210.011.305.866	207.176.105.331
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	181.995.135.775	152.527.336.419
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.116.273.603	3.135.142.884
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	23.557.610.284	52.171.339.824
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(657.713.796)	(657.713.796)
140 IV. Hàng tồn kho	8	23.340.775.820	57.047.053.698
141 1. Hàng tồn kho		24.586.674.932	58.391.782.416
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.245.899.112)	(1.344.728.718)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.440.471.783	7.988.944.432
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	449.277.508	-
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	991.194.275	7.988.944.432
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		126.166.040.843	121.665.504.343
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		23.987.768.000	-
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng	4	23.987.768.000	-
220 II. Tài sản cố định		28.438.221.702	37.902.320.540
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	28.438.221.702	37.902.320.540
222 - Nguyên giá		76.291.648.891	75.667.669.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(47.853.427.189)	(37.765.349.351)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		73.740.051.141	83.763.183.803
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	73.740.051.141	83.763.183.803
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		473.351.059.708	520.835.775.525

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		157.778.226.454	197.718.899.161
310 I. Nợ ngắn hạn		157.778.226.454	197.718.899.161
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	88.715.436.927	63.372.452.755
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	653.483.200	680.732.936
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	515.890.536	441.705.152
314 4. Phải trả người lao động		25.497.682.900	70.090.620.739
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	8.002.950.515	6.012.542.311
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	17.659.825.808	37.714.811.705
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.732.956.568	19.406.033.563
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		315.572.833.254	323.116.876.364
410 I. Vốn chủ sở hữu	16	315.225.229.250	320.163.677.620
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		14.232.309.026	14.232.309.026
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.992.920.224	21.931.368.594
421a - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		232.361.023	-
421b - LNST chưa phân phối năm nay		16.760.559.201	21.931.368.594
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		347.604.004	2.953.198.744
431 1. Nguồn kinh phí	17	347.604.004	2.953.198.744
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		473.351.059.708	520.835.775.525



Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng





Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	383.141.397.845	223.553.882.155
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		383.141.397.845	223.553.882.155
11 4. Giá vốn hàng bán	19	293.181.858.175	158.440.348.343
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.959.539.670	65.113.533.812
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	2.908.032.473	2.861.381.462
26 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	61.054.065.044	38.345.496.458
30 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.813.507.099	29.629.418.816
31 9. Thu nhập khác		1.049.728.964	1.024.507.946
32 10. Chi phí khác		1.214.756.374	474.725.483
40 11. Lợi nhuận khác		(165.027.410)	549.782.463
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.648.479.689	30.179.201.279
51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	6.367.920.488	6.035.840.256
60 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>25.280.559.201</u>	<u>24.143.361.023</u>
70 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23		680

Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng




Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2017


(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		340.918.195.449	141.023.938.170
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(181.475.903.212)	(99.642.548.244)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(128.461.273.186)	(51.256.210.340)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(5.000.140.000)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		960.586.244	877.127.527
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(34.243.588.056)	(52.508.725.950)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(2.301.982.761)</i>	<i>(66.506.558.837)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.273.307.436	2.342.291.222
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>3.273.307.436</i>	<i>2.342.291.222</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.537.027.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(15.537.027.000)</i>	-
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(14.565.702.325)</i>	<i>(64.164.267.615)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		126.958.167.721	191.122.435.336
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>112.392.465.396</u>	<u>126.958.167.721</u>


Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018


Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng


Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121, đường Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty là: Hoạt động công ích, quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; lắp đặt hệ thống điện, sản xuất thiết bị chiếu sáng và các hoạt động kinh doanh khác.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, hoạt động của Công ty không có nhiều thay đổi so với các năm trước đó, Công ty tiếp tục ký hợp đồng với các Khu quản lý và vẫn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực duy tu, sửa chữa các công trình liên quan đến hoạt động chiếu sáng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Tới thời điểm lập báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa chưa được phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	357.946.434	208.902.694
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66.034.518.962	35.336.184.763
Các khoản tương đương tiền (i)	46.000.000.000	91.413.080.264
	<u>112.392.465.396</u>	<u>126.958.167.721</u>

(i) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	35.388.361.929	41.027.085.186
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	20.162.331.919	7.499.568.214
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	51.580.276.226	62.028.431.555
Khu Quản lý giao thông đô thị số 4	34.192.152.542	28.018.028.213
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	33.979.612.000	-
Các đối tượng khác	30.680.169.159	13.954.223.251
	205.982.903.775	152.527.336.419
b) Phải thu khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	181.995.135.775	152.527.336.419
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	23.987.768.000	-
	205.982.903.775	152.527.336.419

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Điện Viễn thông Minh Khoa	-	-	1.741.497.727	-
Trường Cao đẳng Điện Lực TP. HCM	-	-	331.454.000	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	350.367.360	-	349.621.900	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290.161.800	-	290.161.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Sơn	4.374.973.443	-	162.235.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Điện Liên Anh	-	-	227.450.107	-
Các đối tượng khác	100.771.000	-	32.722.350	-
	5.116.273.603	-	3.135.142.884	-

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu Ngân sách Nhà nước do vay	-	-	33.983.501.891	-
Dự thu lãi tiền gửi	158.977.778	-	522.550.001	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng	18.808.737.630	-	13.442.387.269	-
Phải thu về cổ phần hóa	172.798.862	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	323.026.511	-	269.346.570	-
Phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 (i)	2.675.550.011	-	2.675.550.011	-
Tạm ứng	161.760.000	-	41.760.000	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	1.218.179.082	-	1.218.179.082	-
Phần lợi nhuận nộp thừa				
Phải thu khác	38.580.410	-	18.065.000	-
	23.557.610.284	-	52.171.339.824	-

(i) Khoản phải thu lương viên chức quản lý năm 2013 sẽ được thu hồi sau khi Công ty quyết toán chính thức số phải trả cho viên chức quản lý. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, khoản này đã được thu hồi.

7 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	657.713.796	-	657.713.796	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 810 - Chi nhánh phía Nam	657.713.796	-	657.713.796	-
	657.713.796	-	657.713.796	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.555.455.872	-	19.200.150.966	-
Công cụ, dụng cụ	99.217.600	-	91.939.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	8.742.382.613	(1.245.899.112)	38.846.068.893	(1.344.728.718)
Thành phẩm	189.618.847	-	253.622.857	-
	24.586.674.932	(1.245.899.112)	58.391.782.416	(1.344.728.718)

(i) Công ty trích lập dự phòng 100% giá trị các công trình dở dang không thể triển khai với tổng số tiền là 1.245.899.112 VND.

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	33.905.931.917	2.882.289.900	36.731.222.029	2.148.226.045	75.667.669.891
- Mua trong năm	-	112.000.000	-	62.843.000	174.843.000
- Tặng khác	-	-	-	449.136.000	449.136.000
Số dư cuối năm	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.660.205.045	76.291.648.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	10.193.761.694	1.901.585.890	24.224.349.882	1.445.651.885	37.765.349.351
- Khấu hao trong năm	1.468.207.446	412.482.852	7.548.982.196	658.405.344	10.088.077.838
Số dư cuối năm	11.661.969.140	2.314.068.742	31.773.332.078	2.104.057.229	47.853.427.189
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	23.712.170.223	980.704.010	12.506.872.147	702.574.160	37.902.320.540
Tại ngày cuối năm	22.243.962.777	680.221.158	4.957.889.951	556.147.816	28.438.221.702

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 14.767.458.307 VND.

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	449.277.508	-
	449.277.508	-
b) Dài hạn		
Lợi thế thương mại (i)	73.740.051.141	82.415.351.275
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.347.832.528
	73.740.051.141	83.763.183.803

(i) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2016.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thiết bị Nghe nhìn Bàn Sao Việt	5.974.320.000	5.974.320.000	8.286.960.000	8.286.960.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	10.467.052.970	10.467.052.970	5.870.712.100	5.870.712.100
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	6.377.905.160	6.377.905.160	4.313.950.982	4.313.950.982
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	3.668.579.337	3.668.579.337	10.013.873.375	10.013.873.375
Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại và Xây dựng HITECH Việt Nam	7.405.023.780	7.405.023.780	9.699.342.180	9.699.342.180
Công ty TNHH NSJ	21.118.537.000	21.118.537.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	33.704.018.680	33.704.018.680	25.187.614.118	25.187.614.118
	88.715.436.927	88.715.436.927	63.372.452.755	63.372.452.755

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm (Đã điều chỉnh)	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	733.763.090	-	6.282.044.483	5.032.390.857	-	515.890.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.255.181.342	-	6.367.920.488	-	887.260.854	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	441.705.152	6.048.554.374	6.594.192.947	103.933.421	-
	<u>7.988.944.432</u>	<u>441.705.152</u>	<u>18.698.519.345</u>	<u>11.626.583.804</u>	<u>991.194.275</u>	<u>515.890.536</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Miền Đông	100.422.700	100.422.700
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	495.000.000	495.000.000
Các đối tượng khác	58.060.500	85.310.236
	653.483.200	680.732.936

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	8.002.950.515	6.012.542.311
	8.002.950.515	6.012.542.311

15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Phải trả xây dựng trung tâm điều khiển	-	33.983.501.891
Phải trả về cổ phần hóa	-	16.001.138
Phải trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	3.433.200.000	-
Phải trả về cổ tức	8.602.973.000	-
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân	3.088.670.292	1.286.069.218
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.534.982.516	2.429.239.458
	17.659.825.808	37.714.811.705

010
C
RÁCH
HÀNG
A
4/1/17

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/07/2016	284.000.000.000	14.232.309.026	4.208.347.922	-	302.440.656.948
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	2.211.992.429	2.211.992.429
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.211.992.429)	(2.211.992.429)
Chuyển quỹ đầu tư phát triển về cơ quan chủ quản	-	-	(4.208.347.922)	-	(4.208.347.922)
Số dư cuối năm trước	284.000.000.000	14.232.309.026	-	-	298.232.309.026
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	21.931.368.594	21.931.368.594
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	284.000.000.000	14.232.309.026	-	21.931.368.594	320.163.677.620
Lãi trong năm nay	-	-	-	25.280.559.201	25.280.559.201
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(21.699.007.571)	(21.699.007.571)
Tạm chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(8.520.000.000)	(8.520.000.000)
Số dư cuối năm nay	284.000.000.000	14.232.309.026	-	16.992.920.224	315.225.229.250

(i) Điều chỉnh hồi tố quỹ lương của viên chức quản lý và người lao động năm 2016 theo phê duyệt từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận 06 tháng cuối năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế 6 tháng cuối năm 2016, trong đó:	24.143.361.023
- Lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2016	2.211.992.429
- Điều chỉnh hồi tố theo phê duyệt Quỹ lương của Hội đồng quản trị	21.931.368.594
Chia cổ tức	15.620.000.000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	1.509.000.000
Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT bổ sung do việc thực hiện chỉ tiêu vượt lợi nhuận kế hoạch	1.953.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.829.000.000
- Tạm trích trong 06 tháng cuối năm 2016	2.211.992.429
- Trích trong năm 2017	2.617.007.571
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2016	232.361.023

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 07/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2017, Công ty công bố việc tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2017 số tiền là 8.520.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017 VND	Tỷ lệ %	01/01/2017 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Các cổ đông khác	42.600.000.000	15,00	42.600.000.000	15,00
	284.000.000.000	100,00	284.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	284.000.000.000	284.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	15.620.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	8.520.000.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

17 . NGUỒN KINH PHÍ

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu và thi công xây lắp	380.995.698.522	222.904.129.447
Doanh thu dịch vụ khác	2.145.699.323	649.752.708
	383.141.397.845	223.553.882.155

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động duy tu và thi công xây lắp	291.635.509.251	156.612.461.534
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(98.829.606)	1.344.728.718
Giá vốn dịch vụ khác	1.645.178.530	483.158.091
	293.181.858.175	158.440.348.343

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Phân loại lại)
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.908.032.473	2.861.381.462
	2.908.032.473	2.861.381.462

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nhân công	22.512.088.000	16.381.322.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.280.464.476	1.306.267.032
Chi phí dự phòng	-	657.713.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.148.294.460	9.805.189.113
Chi phí khác bằng tiền	25.113.218.108	10.195.004.517
	61.054.065.044	38.345.496.458

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.648.479.689	30.179.201.279
Các khoản điều chỉnh tăng	191.122.750	-
- Tiền phạt chậm nộp thuế	191.122.750	-
Thu nhập tính thuế TNDN	31.839.602.439	30.179.201.279
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.367.920.488	6.035.840.256
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(7.255.181.342)	(7.020.957.104)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(5.000.140.000)
Điều chỉnh số thuế TNDN phải nộp trong các năm trước	-	(1.269.924.494)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(887.260.854)	(7.255.181.342)

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.280.559.201	24.143.361.023
Các khoản điều chỉnh:	(1.769.639.144)	(4.829.000.000)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự tính được trích từ lợi nhuận sau thuế (i)	(1.769.639.144)	(4.829.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.510.920.057	19.314.361.023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	28.400.000	28.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	828	680

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2017 Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 7% trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền dự tính là: 1.678.510.904 VND.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.552.648.406	121.682.664.758
Chi phí nhân công	93.006.000.000	68.894.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.088.077.838	4.442.034.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.877.500.896	18.003.766.176
Chi phí khác bằng tiền	31.859.196.076	16.742.062.047
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	324.383.423.216	229.764.527.933

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.392.465.396	-	126.958.167.721	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	229.540.514.059	(657.713.796)	204.698.676.243	(657.713.796)
	341.932.979.455	(657.713.796)	331.656.843.964	(657.713.796)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	106.375.262.735	101.087.264.460
Chi phí phải trả	8.002.950.515	6.012.542.311
	114.378.213.250	107.099.806.771

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và tương đương tiền	112.392.465.396	-	-	112.392.465.396
Phải thu khách hàng, phải thu khác	204.895.032.263	23.987.768.000	-	228.882.800.263
	<u>317.287.497.659</u>	<u>23.987.768.000</u>	<u>-</u>	<u>341.275.265.659</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và tương đương tiền	126.958.167.721	-	-	126.958.167.721
Phải thu khách hàng, phải thu khác	204.040.962.447	-	-	204.040.962.447
	<u>330.999.130.168</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>330.999.130.168</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	106.375.262.735	-	-	106.375.262.735
Chi phí phải trả	8.002.950.515	-	-	8.002.950.515
	<u>114.378.213.250</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>114.378.213.250</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	101.087.264.460	-	-	101.087.264.460
Chi phí phải trả	6.012.542.311	-	-	6.012.542.311
	<u>107.099.806.771</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>107.099.806.771</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Quỹ tiền lương người lao động và viên chức quản lý năm 2017 đang được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 (hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước) và đang chờ phê duyệt từ Hội đồng quản trị.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 VND
Chia cổ tức			
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	12.311.400.000	-
- Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông lớn	8.207.600.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu khác			
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ	1.218.179.082	1.218.179.082

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

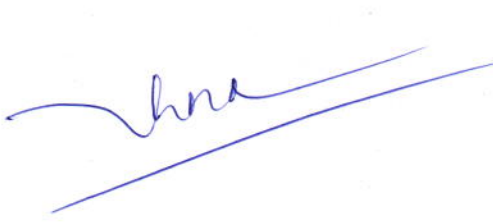
	Năm 2017 VND	Từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 VND
- Thu nhập của Tổng giám đốc	776.537.976	394.944.000
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	2.657.757.376	1.354.181.528

30 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Sổ liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam kiểm toán. Do kỳ kế toán đầu tiên Công ty phải lập Báo cáo tài chính sau khi Cổ phần hóa là kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 31/12/2016 nên số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo quyết định phê duyệt quỹ lương cho viên chức quản lý và người lao động từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh:

	<u>Mã số</u>	<u>Điều chỉnh lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm trước</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
Bảng Cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	52.171.339.824	51.182.265.137	989.074.687
Thuế GTGT được khấu	152	-	627.245.841	(627.245.841)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7.988.944.432	11.440.084.792	(3.451.140.360)
Phải trả người lao động	314	70.090.620.739	90.908.620.739	(20.818.000.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	37.714.811.705	37.731.885.365	(17.073.660)
Quỹ khen thưởng, phúc	322	19.406.033.563	23.591.640.011	(4.185.606.448)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21.931.368.594	-	21.931.368.594
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	223.553.882.155	217.795.516.044	5.758.366.111
Giá vốn hàng bán	11	158.440.348.343	175.582.996.440	(17.142.648.097)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.345.496.458	43.278.906.058	(4.933.409.600)
Thu nhập khác	31	1.024.507.946	1.472.735.216	(448.227.270)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.035.840.256	581.012.312	5.454.827.944
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	24.143.361.023	2.211.992.429	21.931.368.594







Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

Số: 368 /CTCSCC-KTTC

Về việc giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
năm 2017 so với năm 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2018

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh (Mã chứng khoán: CHS) xin giải trình một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 giảm, cụ thể như sau:

- Việc thay đổi đơn giá, định mức của lĩnh vực chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 dẫn đến cơ cấu doanh thu, chi phí của năm 2017 thay đổi so với năm 2016.

- Chi phí hoạt động của Công ty năm 2017 tăng so với năm 2016 do phải chịu phân bổ cả năm các khoản chi phí: giá trị lợi thế thương mại, chi phí khấu hao tài sản cố định, và phân bổ chi phí công cụ dụng cụ do đánh giá lại khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

Trên đây là một số nguyên nhân dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2017 của Công ty Cổ phần Chiếu sáng công cộng TP. Hồ Chí Minh giảm hơn 10% so với năm 2016.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CP CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Huỳnh Trí Dũng

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT, BTGD;
- Lưu: P.KTTC; P.TCHC.

Số:372...../CV-CSCC

TPHCM, ngày 04 tháng 04 năm 2018

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 03 năm 2018, Công ty TNHH Hăng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Năm 2016, Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán liên quan đến việc không thể thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng tồn lâu tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền là 5,9 tỷ đồng. Vấn đề này đã được Công ty khắc phục một phần, tại ngày 31/12/2017 các khoản phải thu khách hàng chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi là 3,77 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.”

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình các nội dung trên như sau:

Theo ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam khoản phải thu chưa đối chiếu là 5.916.387.876 đồng. Trong năm 2017 Công ty đã tích cực liên hệ với các Chủ đầu tư để thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, kết quả tính đến thời điểm lập Báo cáo kiểm toán, tổng giá trị khoản phải thu chưa đối chiếu từ giảm xuống còn 3.768.085.415 đồng so với năm 2016. Trong năm 2018 Công ty vẫn sẽ tiếp tục làm việc với Chủ đầu tư để xác nhận số công nợ này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Huỳnh Trí Dũng